TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 15/2019/HC-PT Ngày: 10-01- 2019 V/v khiếu kiện: Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Phạm Công Mười

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Đỗ Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 367/2018/TLPT-HC ngày 20 tháng 07 năm 2018 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2018/HC- ST ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1355/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Dương Văn N, sinh năm 1936; địa chỉ: Khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

(Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T1 (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T1: Ông Võ Xuân T2, chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G: Ông Nguyễn Văn N1, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh; theo văn bản ủy quyền số 342/GUQ-UBND ngày 29-3-2018 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Huỳnh Đại H, sinh năm 1960; địa chỉ: Số nhà 5/3 hẻm 25, đường 30/4, Phường 1, thành phố T3, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Trần Thị Kim D, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 5/3 hẻm 25 Đường 30/4, Phường 1, thành phố T3, tỉnh Tây Ninh; theo văn bản ủy quyền ngày 16-01-2018 (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Dương Văn N là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 10 năm 2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông N và người đại diện theo ủy quyền của ông N là ông Nguyễn Văn N2 trình bày:

Diện tích đất 1.341,5m^2 thuộc thửa số 105, tờ bản đồ số 47 tọa lạc tại khu phố T4, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh có nguồn gốc của cụ Huỳnh Bá D1(chết năm 1985) và cụ Vương Thị L(chết năm 2014). Trong diện tích đất 1.341,5m^2 nêu trên, ông N được vợ chồng cụ D1, cụ L lúc còn sống cho sử dụng phần đất diện tích 182,4m^2 từ năm 1968 đến nay.

Ngày 19-6-2012, cụ Vương Thị L được Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00222 (CM) đối với phần đất diện tích 1.341,5m^2. Sau đó, ngày 01-12-2013 cụ L làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Đại H là con của cụ D1, cụ L toàn bộ phần diện tích đất trên và ngày 17-5-2013 ông H được UBND huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00154 (CN) đối với phần đất diện tích 1.341,5m^2. Trong đó, có phần diện tích 182,4m^2 ông N đang quản lý sử dụng.

Năm 2014, ông Huỳnh Đại H đến rào toàn bộ phần diện tích đất trên, không cho ông N đi lại và yêu cầu ông N phải dời nhà đi nơi khác, vụ việc đã được UBND thị trấn G hòa giải nhưng không thành. Sau đó, ngày 29-9-2014 ông N làm đơn kiến nghị UBND huyện G xem xét việc cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cho ông H không đúng quy định.

Ngày 08-12-2014, UBND huyện G ban hành Thông báo số 146/TB-UBND (sau đây gọi tắt là Thông báo số 146) có nội dung thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Đại H, với lý do cụ L không sử dụng phần diện tích đất 182,4m^2 mà do ông N là người trực tiếp quản lý sử dụng từ năm 1968 đến nay. Ông H không đồng ý với thông báo trên nên có đơn khiếu nại. Ngày 10-4-2015, Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định số: 08/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định số 08) với nội dung bác khiếu nại của ông H.

Sau đó, ông H ủy quyền cho vợ là bà Trần Thị Kim D khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh T1. Ngày 09/3/2017 Chủ tịch UBND tỉnh T1 ban hành Quyết định số: 522/QĐ-UBND có nội dung chấp nhận khiếu nại của bà Trần Thị Kim D, giao Chủ tịch UBND huyện G thu hồi Thông báo số 146 và Quyết định số 08.

Nay, ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số: 522/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh T1 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 522), bởi các lý do sau:

Về hình thức: Quyết định số 522 không đúng về thể thức văn bản theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể tại "Phần V Nhận xét và kiến nghị", tuy nhiên chỉ có "Phần 1. Nhận xét" mà không có phần kiến nghị.

Về thẩm quyền: Trong Quyết định số 522 có nêu hiện tại vụ việc đang được giải quyết tại Tòa án nhân dân huyện G nhưng Chủ tịch UBND tỉnh T1 vẫn ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, do đó Quyết định số 522 được ban hành không đúng thẩm quyền. Ngoài ra, Thẩm quyền ký quyết định là Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh không được ký thay.

Về nội dung:

+ Quyết định số 522 có nêu phần diện tích 182,4m^2 của vợ chồng cụ D1, cụ L cho ông N ở đậu là không đúng vì phần diện tích đất trên cụ D1, cụ L cho ông N ở từ năm 1968 đến nay để gìn giữ trông coi đất cho cụ D1, cụ L. Theo quy định của Luật Đất đai năm 1988, khoản 1 và khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai 2003 thì cụ L không trực tiếp quản lý sử dụng phần diện tích 182,4m^2, mà ông N là người sử dụng ổn định từ năm 1968 cho đến nay. Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 26-3-2012 để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ L không phải chữ ký của ông N, việc này đã có kết luận giám định của cơ quan chuyên môn. Do đó, về nội dung, trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất cho cụ L là không đúng.

+ Quyết định số 522 cho rằng ông N đã hết thời hiệu khiếu nại đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Đại H là không đúng. Vì thực tế, việc nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ L và ông H không thông báo cho ông N biết nên không thể cho rằng ông N đã hết thời hiệu khởi kiện. Mặt khác, căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 2, khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai 2013 và điểm b, c khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15-5-2014 thì ông N có quyền gửi đơn kiến nghị đến UBND huyện G yêu cầu xem xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H. Ngoài ra, tại trang 2, đoạn thứ 2 từ dưới lên thể hiện "Ngày 29-9-2015, ông N có đơn yêu cầu ..." và tại trang 5, đoạn thứ 3 từ dưới lên thể hiện: " Đến ngày 29-9-2015, ông Dương Văn N có đơn yêu cầu UBND huyện G…" là không đúng, vì ông N có đơn yêu cầu vào ngày 29-9-2014, việc ghi sai năm yêu cầu của ông N đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc xác định thời hiệu giải quyết khiếu nại của ông N.

Theo Văn bản số: 3229/UBND-TD ngày 30-11-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T1có nội dung:

Quan điểm của Chủ tịch UBND tỉnh T1 là giữ nguyên Quyết định số 522 về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần 2) của bà Trần Thị Kim D (được ông Huỳnh Đại H ủy quyền), ngụ tại số 5/3, hẻm 25 Đường 30/4 Khu phố 1, Phường 1, thành phố T3, tỉnh Tây Ninh.

Theo Văn bản số: 343/UBND-TD ngày 29-11-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh có nội dung:

Đề nghị Tòa án căn cứ chứng cứ mà các bên tham gia cung cấp và thu thập được để xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị Kim D đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Đại H trình bày:

Phần đất diện tích 1.341,5m^2 thuộc thửa số 105, tờ bản đồ số 47 tọa lạc tại khu phố T4, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh do ông Huỳnh Đại H được mẹ ruột là cụ Vương Thị L tặng cho, sau đó ông H được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 17-5-2013.

Nguồn gốc phần diện tích đất trên trước đây là do ông, bà và cha mẹ ông H sử dụng và xây dựng nhà cửa trên đất để sinh sống từ năm 1944 đến nay. Khoảng năm 1968-1969, ông Dương Văn N quê ở huyện Đức Hòa, tỉnh Long An lưu lạc đến Tây Ninh, được cha mẹ ông H cho cất tạm căn nhà phía sau để sinh sống bằng nghề rửa xe. Khoảng năm 1976 ông N có về quê để tái lập cuộc

sống ở quê nhà, nhưng do không được nên quay lại căn nhà cha mẹ ông H cho ở tạm. Quá trình ông N sinh sống trên đất, cha mẹ ông H không thu tiền, việc cho ông N ở cũng không làm giấy tờ, ông N chỉ nói miệng khi nào cuộc sống tạm ổn thì về quê. Khi mẹ ông H là cụ L thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất theo chủ trương của nhà nước, ông N đã ký xác nhận đất này là của cụ L và ông N là người ở nhờ trên đất, không có tranh chấp.

Đầu năm 2014, ông N có đến gặp gia đình ông H để đề nghị được sửa nhà ở do bị mưa dột. Lúc đó, ông H có nói với ông N nếu nhà dột thì sửa chữa nhà, không được nới rộng và xây dựng nhà kiên cố. Tuy nhiên, con ông N chở vật tư về để xây sửa mở rộng nhà. Sau đó, ông H khiếu nại đến UBND thị trấn G. Ngày 13-8-2014, UBND thị trấn G lập biên bản và đình chỉ việc xây dựng của gia đình ông N. Sau đó, UBND thị trấn G tổ chức hòa giải giữa ông H và ông N nhưng hòa giải không thành, chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân huyện G giải quyết, hiện nay Tòa án nhân dân huyện G đang thụ lý hồ sơ tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông H và ông N.

Ông N tiếp tục khiếu nại đến UBND huyện G. Ngày 08-12-2014, UBND huyện G ban hành Thông báo số 146/TB-UBND thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, lý do việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H không đúng quy định của pháp luật về đất đai. Sau đó, ông H khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện G.

Ngày 10-4-2015, Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định số 08 có nội dung bác đơn khiếu nại của ông H. Ông H tiếp tục khiếu nại Quyết định số 08 đến Chủ tịch UBND tỉnh T1.

Ngày 09-3-2017, Chủ tịch UBND tỉnh T1 ban hành Quyết định số 522 có nội dung chấp nhận khiếu nại của ông H.

Nay, ông H đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định số 522 vì quyết định trên giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh T1 – ông Văn Tiến D2 trình bày:

Về nguồn gốc đất các bên đã thống nhất là đất của cụ D1, cụ L và có căn cứ xác định ông N là người ở nhờ trên đất. Việc UBND huyện G thu hồi toàn bộ diện tích đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H là không đúng. Mặt khác, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện các bên có tranh chấp về quyền sử dụng đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

Tại Bản án hành chính số 07/2018/HC-ST ngày 31tháng 5năm 2018, Tòa

án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn N về việc yêu cầu hủy bỏ Quyết định số: 522/QĐ-UBND, ngày 09/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12/6/2018, ông Dương Văn N kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, với lý do: Không đồng ý với nội dung của bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị sửa án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, hủy Quyết định số: 522/QĐ-UBND, ngày 09/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Dương Văn N gửi đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung nêu trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh T1 – ông Võ Xuân T2 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm vì Quyết định số: 522/QĐ-UBND, ngày 09/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T1 được ban hành đúng pháp luật.

Bà Trần Thị Kim D đại diện cho ông Huỳnh Đại H trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm vì Quyết định số: 522/QĐ-UBND, ngày 09/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T1 được ban hành đúng pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- *Về kháng cáo của* ông Dương Văn N*:* Sau khi trình bày nội dung vụ án, đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm: Đơn kháng cáo của ông N hợp lệ, đúng quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn N về việc yêu cầu hủy bỏ Quyết định số: 522/QĐ-UBND, ngày 09/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T1 là đúng pháp luật. Ông Dương Văn N kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông N. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm có sai sót về án phí vì ông N là người cao tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện*: Ông Dương Văn N khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 522/QĐ-UBND, ngày 09/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T1 là Quyết định hành chính quản lý Nhà nước về đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật tố tụng hành chính, Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn N đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, hủy Quyết định số 522/QĐ-UBND, ngày 09/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T1.

[2.1] Về trình tự thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định:

Căn cứ vào Điều 204 của Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 21 của Luật khiếu nại năm 2011 thì Chủ tịch UBND tỉnh T1 ban hành Quyết định số 522 là đúng trình tự, thủ tục và việc Phó Chủ tịch UBND tỉnh T1 ký thay Chủ tịch đúng với quy định tại khoản 7 Điều 22 của Luật tổ chức chính quyền địa phương.

[2.2] Về hình thức:

Căn cứ theo Mẫu số 16 được Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ thì phần V là kết luận. Theo Quyết định số 522 thì phần V là kiến nghị và nhận xét; chỉ có "Phần 1. Nhận xét" mà không có phần kiến nghị. Tuy nhiên, việc sai sót về hình thức là không đáng kể, không ảnh hưởng đến bản chất của việc giải quyết khiếu nại.

[2.3] Về nội dung:

[2.3.1] Ông N cho rằng trong phần đất diện tích 1.341,5m^2, có phần diện tích 182,4m^2 ông quản lý sử dụng từ năm 1968 đến nay và việc ông cất nhà ở trên đất là do cụ L, cụ D1 cho ở để giữ gìn đất. Tháng 8-2014 ông H rào đường đi vào nhà ông N và hai bên phát sinh tranh chấp. Ngày 25-9-2014, UBND thị trấn G tiến hành hòa giải việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông N và ông H nhưng kết quả hòa giải không thành.

[2.3.2] Ngày 29-9-2014, ông Nl àm đơn yêu cầu UBND huyện G thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H. Ngày 08/12/2014, UBND huyện G ban hành Thông báo số 146 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

của ông H, lý do việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H không đúng quy định của pháp luật về đất đai. Sau đó, ông H khiếu nại ngày 10-4-2015 Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định số 08 có nội dung bác đơn khiếu nại của ông H.

[2.3.3] Tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai; khoản 5 Điều 87 của Nghị định số 34/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều thi hành luật đất đai, quy định như sau: "…Nhà nước không thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai nếu người được cấp giấy đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất và đã được giải quyết theo quy định pháp luật…". Theo quy định tại khoản 10 Điều 3 của Luật đất đai "chuyển quyền sử dụng đất là việc chuyển giao quyền sử dụng đất từ người này sang người khác thông qua các hình thức chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất và góp vốn bằng quyền sử dụng đất".

Ông H được UBND huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00154(CN) ngày 17-5-2013 đối với phần đất diện tích 1.341,5m^2 thông qua hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của cụ L lập ngày 01-11-2012. Do vậy, việc UBND huyện G ban hành Thông báo số 146 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H và Quyết định số 08 bác khiếu nại của ông H là không đúng pháp luật.

Chủ tịch UBND tỉnh T1 ban hành Quyết định số 522 có nội dung giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G thu hồi Thông báo số 146/TB-UBND ngày 08-12-2014 và Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 10-4-2015 về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Đại H là đúng pháp luật.

[2.3.4] Tháng 8-2014 ông H rào đường đi vào nhà ông N và hai bên phát sinh tranh chấp. Ngày 25-9-2014, Ủy ban nhân dân thị trấn G tiến hành hòa giải việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông N và ông H thì ông N mới phát hiện ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 29-9-2014, ông N làm đơn yêu cầu UBND huyện G thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H nên thời hiệu khiếu nại vẫn còn. Xét thấy, Quyết định số 522 cho rằng ông N hết thời hiệu khiếu nại là chưa chuẩn xác, tuy nhiên việc xác định thời hiệu trong vụ việc này không làm thay đổi nội dung Quyết định số 522.

[2.3.5] Ngày 22-10-2014, ông H khởi kiện tranh chấp dân sự về đòi lại quyền sử dụng đất đối với ông N và được Tòa án nhân dân huyện G thụ lý vụ án dân sự số 378/2014/TLST-DS. Lẽ ra, khi ông N khiếu nại thì UBND huyện G phải hướng dẫn cho ông N biết sự việc sẽ được Tòa án giải quyết trong vụ kiện

tranh chấp quyền sử dụng đất, đồng thời giải quyết luôn yêu cầu hủy quyết định cá biệt mới đúng.

[2.4] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Ông N kháng cáo nhưng không đưa ra được các tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông N như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị.

[3] Về án phí: Người khởi kiện là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Ông N có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm về phần án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, Khoản 2 Điều 241, Điều 348 và Điều 349 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của ông Dương Văn N. Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2018/HC-ST ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh về phần án phí.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn N về việc yêu cầu hủy Quyết định số 522/QĐ-UBND, ngày 09/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T1.

*Về án phí hành chính sơ thẩm:*Ông Dương Văn N được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Dương Văn N số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000381 ngày 03/11/2017 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Dương Văn N được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Hoàn lại cho ông Dương Văn N số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 0000587 ngày 19/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC (1)
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND tỉnh Tây Ninh (1);
- VKSND tỉnh Tây Ninh (1);
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh (1);
- Đương sự (5)
- Lưu VP (3), HS (2), (16b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương